

Số: 1459 /QĐ-ĐHGTVT

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận thí sinh trúng tuyển

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Quyết định số 42/CP ngày 24/3/1962 của Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ) về việc thành lập Trường Đại học Giao thông vận tải;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 116/NQ-HĐT ngày 10/10/2024 của Hội đồng Trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Giao thông vận tải;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 2016/QĐ-ĐHGTVT ngày 11/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Giao thông vận tải ban hành Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Giao thông vận tải;

Căn cứ Thông báo số 142/TB-ĐHGTVT ngày 28/02/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Giao thông vận tải về việc tuyển trình độ thạc sĩ năm 2025;

Căn cứ các Thông báo số 441/TB-ĐHGTVT ngày 05/6/2025; Thông báo số 492/TB-ĐHGTVT ngày 19/6/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Giao thông vận tải về kết quả xét tuyển và thi tuyển trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2025;

Căn cứ Thông báo số 503/TB-ĐHGTVT ngày 24/6/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Giao thông vận tải về điểm trúng tuyển các ngành tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 103 thí sinh (danh sách kèm theo) trúng tuyển trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2025, trong đó:

- Phương thức xét tuyển: 44 thí sinh (Hà Nội: 37; Phân hiệu tại TP.HCM: 07);
- Phương thức thi tuyển: 59 thí sinh (Hà Nội 43; Phân hiệu tại TP.HCM: 16).

Điều 2. Các thí sinh trúng tuyển làm thủ tục nhập học vào ngày 11/8/2025.

Điều 3. Trưởng các phòng: HCTH, KT&ĐBCLĐT, ĐTSĐH, TCKT; các khoa: Công trình, Công nghệ thông tin, Điện - Điện tử, Vận tải - Kinh tế, Cơ khí, Quản lý xây dựng, Kỹ thuật xây dựng, Môi trường và An toàn GT; Phân hiệu tại TP.HCM và thí sinh có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: HCTH, KT&ĐBCLĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
GIAO THÔNG
VẬN TẢI
PGS.TS. Lê Hoài Đức

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2025 - PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN

(Kèm theo Thông báo số 1459 /TB-ĐHGTVT ngày 30/6/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học GTVT)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành/ Chương trình đăng ký trúng tuyển	Định hướng	Trình độ bậc đại học						Trình độ Ngoại ngữ
						Ngành / Chuyên ngành tốt nghiệp	Hình thức đào tạo	Xếp loại TN	Ngày cấp bằng	Cơ sở đào tạo cấp bằng	Điểm TB Toán CC	
I. Tại Hà Nội:												
1	Khuất Quang Cảnh	07/06/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Ứng dụng	Công nghệ thông tin	Chính quy	Khá	06/08/2024	Trường Đại học GTVT	8,1	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT
2	Bùi Xuân Dương	27/09/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Ứng dụng	Công nghệ thông tin	Chính quy	Khá	30/12/2024	Trường ĐHCN Việt - Hung	6,1	Tiếng Anh bậc 4 (B2) - ĐHCN, ĐHQGHN
3	Nguyễn Dương Bích Quỳnh	17/06/1999	Nữ	Công nghệ thông tin	Ứng dụng	Công nghệ thông tin - Tiếng Anh	Chính quy	Khá	26/07/2021	Trường ĐH Hà Nội	6,5	Chương trình đào tạo ĐH bằng tiếng Anh
4	Nguyễn Hoàng Kiên	27/12/2002	Nam	Kỹ thuật an toàn giao thông	Ứng dụng	Công nghệ kỹ thuật giao thông	Chính quy	Giỏi	07/03/2025	Trường Đại học GTVT	6,8	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT
5	Nguyễn Văn Tăng	31/03/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí động lực	Ứng dụng	Kỹ thuật cơ khí động lực	Chính quy	Giỏi	06/03/2024	Trường Đại học GTVT	8,9	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT
6	Đoàn Năng Hùng	28/09/1991	Nam	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng	Liên thông CQ	Giỏi	16/09/2024	Trường Đại học GTVT	9,3	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT
7	Lê Quang Huy	22/06/2002	Nam	Kỹ thuật điện tử	Ứng dụng	Kỹ thuật điện tử - Viễn thông	Chính quy	Xuất sắc	07/03/2025	Trường Đại học GTVT	8,5	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT
8	Triệu Anh Dũng	04/03/2002	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Nghiên cứu	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Chính quy	Khá	07/03/2025	Trường Đại học GTVT	7,3	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT
9	Nguyễn Tất Đồng	08/11/2002	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Nghiên cứu	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Chính quy	Khá	07/03/2025	Trường Đại học GTVT	7,3	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT
10	Trần Trung Anh	04/02/2002	Nam	Kỹ thuật ô tô	Ứng dụng	Kỹ thuật ô tô	Chính quy	Giỏi	24/03/2025	Trường Đại học GTVT	7,5	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT
11	Bùi Gia Huy	02/06/2002	Nam	Kỹ thuật ô tô	Nghiên cứu	Kỹ thuật ô tô	Chính quy	Xuất sắc	07/03/2025	Trường Đại học GTVT	9,1	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT
12	Trần Anh Tú	16/06/2001	Nam	Kỹ thuật ô tô	Nghiên cứu	Kỹ thuật ô tô	Chính quy	Xuất sắc	06/03/2024	Trường Đại học GTVT	9,7	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT
13	Phạm Ngọc Thắng	19/09/2001	Nam	Kỹ thuật ô tô	Nghiên cứu	Kỹ thuật ô tô	Chính quy	Khá	06/03/2024	Trường Đại học GTVT	7,1	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT
14	Lưu Thanh Hải	19/05/2002	Nam	Kỹ thuật viễn thông	Ứng dụng	Kỹ thuật điện tử - Viễn thông	Chính quy	Giỏi	07/03/2025	Trường Đại học GTVT	7,4	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT
15	Trần Lê Vinh	11/11/2002	Nam	Kỹ thuật viễn thông	Ứng dụng	Kỹ thuật điện tử - Viễn thông	Chính quy	Giỏi	07/03/2025	Trường Đại học GTVT	7,9	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT
16	Trần Trung Kiên	27/12/2002	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chính quy	Giỏi	10/03/2025	Trường Đại học GTVT	8,0	Tiếng Anh bậc 4 (B2) - Trường ĐH.GTVT

((ẮN 0 T 2 1 5 0))

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành/ Chương trình đăng ký trúng tuyển	Định hướng	Trình độ bậc đại học						Trình độ Ngoại ngữ
						Ngành / Chuyên ngành tốt nghiệp	Hình thức đào tạo	Xếp loại TN	Ngày cấp bằng	Cơ sở đào tạo cấp bằng	Điểm TB Toán CC	
17	Nguyễn Văn Quân	05/10/2002	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng	Chính quy	Khá	07/03/2025	Trường Đại học GTVT	7,2	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT
18	Phạm Thế Anh	13/01/2002	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chính quy	Khá	07/03/2025	Trường Đại học GTVT	6,9	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT
19	Nguyễn Tuấn Cường	03/01/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Nghiên cứu	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chính quy	Khá	04/03/2024	Trường Đại học GTVT	6,8	Tiếng Anh bậc 4 (B2) - Trường ĐH.GTVT
20	Vũ Từ Dương	01/01/2002	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chính quy	Giỏi	07/03/2025	Trường Đại học GTVT	7,0	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT
21	Nguyễn Thị Tuyết Nga	31/08/2002	Nữ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chính quy	Khá	07/03/2025	Trường Đại học GTVT	7,2	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT
22	Lê Bá Sơn	30/10/1993	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chính quy	Khá	24/02/2016	Trường Đại học GTVT	6,8	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - HVKHQS
23	Triệu Văn Thành	20/03/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chính quy	Giỏi	04/03/2024	Trường Đại học GTVT	7,2	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT
24	Trần Mạnh Thắng	10/03/1996	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chính quy	Khá	15/01/2019	Trường ĐH Xây dựng	6,5	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - ĐHHN
25	Nguyễn Đức Trường	13/09/2002	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chính quy	Giỏi	07/03/2025	Trường Đại học GTVT	6,2	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT
26	Trần Văn Việt	10/05/1988	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Liên thông CQ	Giỏi	06/11/2014	Trường Đại học GTVT	7,0	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - HVNH
27	Nguyễn Văn Vinh	11/07/2002	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chính quy	Giỏi	07/03/2025	Trường Đại học GTVT	6,5	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT
28	Lý Phương Anh	03/05/2002	Nữ	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kinh tế xây dựng	Chính quy	Xuất sắc	07/03/2025	Trường Đại học GTVT	8,8	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT
29	Phạm Ngọc Tú	20/06/2002	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kinh tế xây dựng	Chính quy	Khá	07/03/2025	Trường Đại học GTVT	6,5	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT
30	Nguyễn Anh Tuấn	24/06/2002	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kinh tế xây dựng	Chính quy	Khá	07/03/2025	Trường Đại học GTVT	6,9	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT
31	Dương Thị Tươi	24/11/2002	Nữ	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kinh tế xây dựng	Chính quy	Xuất sắc	07/03/2025	Trường Đại học GTVT	9,4	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT
32	Nguyễn Tiến Thành	22/11/2000	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kinh tế xây dựng	Chính quy	Khá	07/03/2025	Trường Đại học GTVT	6,5	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT
33	Vũ Thị Thanh Thảo	12/04/2002	Nữ	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Quản lý xây dựng	Chính quy	Khá	07/03/2025	Trường Đại học GTVT	6,7	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành/ Chương trình đăng ký trúng tuyển	Định hướng	Trình độ bậc đại học						Trình độ Ngoại ngữ
						Ngành / Chuyên ngành tốt nghiệp	Hình thức đào tạo	Xếp loại TN	Ngày cấp bằng	Cơ sở đào tạo cấp bằng	Điểm TB Toán CC	
34	Nguyễn Xuân Trường	18/09/2000	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kinh tế xây dựng	Chính quy	Giỏi	04/03/2024	Trường Đại học GTVT	9,5	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT
35	Vũ Thu Huyền	19/05/2001	Nữ	Quản trị kinh doanh	Ứng dụng	Quản trị kinh doanh	Chính quy	Giỏi	14/07/2023	Trường Đại học GTVT	9,3	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT
36	Trần Trung Hiếu	30/03/2002	Nam	Tổ chức và quản lý vận tải	Ứng dụng	Kinh tế vận tải	Chính quy	Khá	02/04/2025	Trường Đại học GTVT	6,9	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT
37	Phạm Vũ Phương Linh	29/04/2002	Nữ	Tổ chức và quản lý vận tải	Ứng dụng	Kinh tế vận tải	Chính quy	Giỏi	06/08/2024	Trường Đại học GTVT	7,5	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT
II. Tại Phân hiệu Tp.HCM:												
1	Nguyễn Hà Trí Anh	11/04/2002	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chính quy	Khá	28/03/2025	Trường Đại học GTVT	7,4	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT
2	Cao Quốc Bình	30/08/2002	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chính quy	Khá	28/03/2025	Trường Đại học GTVT	8,3	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT
3	Nguyễn Quốc Đạt	23/10/2002	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chính quy	Khá	28/03/2025	Trường Đại học GTVT	7,3	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT
4	Vũ Quang Hiếu	03/03/2002	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chính quy	Khá	28/03/2025	Trường Đại học GTVT	6,6	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT
5	Nguyễn Hữu Quân	08/07/1982	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Xây dựng cầu đường	Chính quy	Khá	10/06/2005	Trường Đại học GTVT	7,4	Toeic (Listening: 460, Reading: 445, Speaking: 130, Writing: 170)
6	Nguyễn Thị Nguyệt Hân	05/12/2002	Nữ	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kinh tế xây dựng	Chính quy	Giỏi	28/03/2025	Trường Đại học GTVT	8,3	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT
7	Huỳnh Thị Thủy Tuyên	15/11/2002	Nữ	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kinh tế xây dựng	Chính quy	Giỏi	28/03/2025	Trường Đại học GTVT	7,2	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT

Danh sách có 44 thí sinh, trong đó:
- Hà Nội: 37 thí sinh;
- Phân hiệu tại TP.HCM: 07 thí sinh.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
GIAO THÔNG
VẬN TẢI
PGS.TS. Lê Hoài Đức

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2025 - PHƯƠNG THỨC THI TUYỂN

(Kèm theo Thông báo số 1459 /TB-ĐHGTVT ngày 30/6/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học GTVT)

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành/ Chương trình trúng tuyển	Định hướng	Trình độ ngoại ngữ	Điểm Toán	Điểm Chủ chốt	Điểm tổng
I Hà Nội:										
1	1001	Nguyễn Tuấn Anh	22/08/2000	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT	9,25	8,50	17,75
2	1002	Đặng Xuân Cung	02/02/1972	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 4 (B2) - Versant English Placement Test	8,50	8,00	16,50
3	1003	Lê Hải Dương	03/02/2002	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT	9,00	8,00	17,00
4	1004	Lã Tiến Đạt	27/01/1999	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Cambridge PET	8,50	9,00	17,50
5	1005	Tổng Sơn Hùng	16/03/2002	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 4 (B2) - Trường ĐH.GTVT	9,00	8,00	17,00
6	1006	Nguyễn Vũ Hùng	14/04/2000	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT	8,25	8,50	16,75
7	1007	Hoàng Mạnh Minh	30/12/1997	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Versant English Placement Test	9,00	8,00	17,00
8	1008	Lê Văn Minh	25/10/1979	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Versant English Placement Test	9,50	8,50	18,00
9	1009	Bùi Lê Nam Vinh	16/07/2002	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 4 (B2) - Trường ĐH.GTVT	9,00	6,50	15,50
10	1010	Đào Minh Mạnh	11/04/2002	Nam	Kỹ thuật an toàn giao thông	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT	8,50	8,00	16,50
11	1011	Tổng Ngọc Đức	30/06/2002	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT	8,50	5,50	14,00
12	1012	Đặng Bùi Đức Lộc	25/11/1996	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Ứng dụng	TN ĐH tại Hungary	7,50	5,50	13,00
13	1013	Quản Gia Minh	17/08/2002	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT	8,00	5,50	13,50
14	1014	Nguyễn Việt Bách	26/03/2001	Nam	Kỹ thuật ô tô	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT	9,00	8,25	17,25
15	1015	Vũ Đức Cường	05/09/2002	Nam	Kỹ thuật ô tô	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 4 (B2) - Trường ĐH.GTVT	9,00	9,00	18,00
16	1016	Trần Hà Đăng	25/10/1995	Nam	Kỹ thuật ô tô	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 4 (B2) - Versant English Placement Test	9,00	8,50	17,50
17	1017	Lê Ngọc Thanh Long	08/01/2000	Nam	Kỹ thuật ô tô	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Aptis ESOL International Certificate	9,00	9,25	18,25
18	1018	Nguyễn Thái Phúc	18/11/2001	Nam	Kỹ thuật ô tô	Nghiên cứu	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT	9,00	8,75	17,75
19	1019	Mai Văn Vinh	25/07/2002	Nam	Kỹ thuật ô tô	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT	8,50	9,00	17,50
20	1020	Đinh Văn Hiệu	08/05/1999	Nam	Kỹ thuật cơ khí động lực	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT	8,50	6,50	15,00
21	1021	Đỗ Minh Long	23/10/2000	Nam	Kỹ thuật cơ khí động lực	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 4 (B2) - Versant English Placement Test	7,00	8,00	15,00
22	1022	Tạ Xuân Hậu	28/01/1993	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Nghiên cứu	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - HVKHQS	8,50	8,75	17,25

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành/ Chương trình trúng tuyển	Định hướng	Trình độ ngoại ngữ	Điểm Toán	Điểm Chủ chốt	Điểm tổng
23	1023	Hoàng Lê Nghĩa	07/05/2002	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Nghiên cứu	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - IELTS Test Report Form 5.0	8,00	6,50	14,50
24	1024	Nguyễn Văn Cường	25/10/1997	Nam	Công nghệ thông tin	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - HVKHQS	5,00	6,75	11,75
25	1025	Nguyễn Duy Mạnh	04/08/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT	5,00	6,75	11,75
26	1026	Nguyễn Văn Quang	20/08/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT	5,00	6,50	11,50
27	1027	Bùi Xuân Toàn	26/12/1995	Nam	Công nghệ thông tin	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - HVKHQS	5,00	6,75	11,75
28	1028	Nguyễn Việt Hoàng An	27/08/2001	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT	7,50	9,00	16,50
29	1029	Vũ Ngọc Anh	04/12/2001	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT	7,00	9,50	16,50
30	1030	Nguyễn Ngọc Anh	25/02/2001	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT	8,00	9,50	17,50
31	1031	Vy Tuấn Dương	17/05/1994	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 4 (B2) - Aptis ESOL International Certificate	7,50	9,00	16,50
32	1032	Nguyễn Thùy Dương	31/07/2001	Nữ	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 4 (B2) - Trường ĐH.GTVT	8,00	9,00	17,00
33	1033	Đỗ Đức Hoàng	07/03/2002	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT	7,50	8,00	15,50
34	1034	Trương Việt Hoàng	02/03/2002	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT	8,00	8,50	16,50
35	1035	Đặng Vũ Hoàng	29/05/2002	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT	7,50	9,00	16,50
36	1036	Nguyễn Quốc Long	15/08/2000	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Versant English Placement Test	7,00	9,50	16,50
37	1037	Đặng Hiếu Nam	29/01/2001	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 4 (B2) - Trường ĐH.GTVT	6,50	9,00	15,50
38	1038	Đặng Phương Nam	05/09/1999	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - HVBC&TT	7,00	8,50	15,50
39	1039	Phạm Cẩm Nhung	22/10/2002	Nữ	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 4 (B2) - Trường ĐH.GTVT	7,00	7,50	14,50
40	1040	Lương Hữu Phước	14/12/2001	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT	8,00	8,50	16,50
41	1041	Nguyễn Thị Thùy Dung	01/01/2000	Nữ	Tổ chức và quản lý vận tải	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 4 (B2) - Trường ĐH HN	6,00	5,50	11,50
42	1042	Vũ Anh Sơn	04/05/2002	Nam	Tổ chức và quản lý vận tải	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT	7,50	5,25	12,75
43	1043	Trần Minh Hiếu	11/06/2000	Nam	Quản trị kinh doanh	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 4 (B2) - Trường ĐH.GTVT	5,00	9,50	14,50
II Phân hiệu tại TP.HCM:										
1	601	Đỗ Tấn Cẩm	18/07/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT	7,50	6,00	13,50
2	602	Nguyễn Tiến Huy	30/08/2002	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT	7,00	6,50	13,50
3	603	Nguyễn Mạnh Kiên	06/05/2002	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT	6,50	6,50	13,00
4	604	Nguyễn Thành Văn	28/02/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT	9,00	7,00	16,00
5	605	Phạm Tiến Anh	07/01/2002	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Versant English Placement Test	8,00	6,00	14,00

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành/ Chương trình trúng tuyển	Định hướng	Trình độ ngoại ngữ	Điểm Toán	Điểm Chủ chốt	Điểm tổng
6	606	Lê Huỳnh Đức	01/02/1998	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Versant English Placement Test	8,00	6,50	14,50
7	607	Dương Võ Việt Hưng	08/08/2000	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT	7,50	6,00	13,50
8	608	Võ Thiếu Lâm	09/08/1996	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.Văn Lang	7,00	7,00	14,00
9	609	Trịnh Khả Nhi	06/10/2001	Nữ	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT	8,00	8,00	16,00
10	610	Nguyễn Thị Hồng Nhi	10/12/2001	Nữ	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT	6,50	8,00	14,50
11	611	Nguyễn Tri Phương	22/08/1998	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	TNĐH ngành NN Anh - Trường ĐH Cửu Long	8,50	7,00	15,50
12	612	Nguyễn Nhật Quang	09/08/2001	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT	8,00	6,50	14,50
13	613	Võ Quốc Toàn	30/04/1993	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Aptis ESOL International Certificate	5,50	6,50	12,00
14	614	Trần Xuân Trường	22/01/2001	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT	8,50	7,50	16,00
15	615	Võ Nguyễn Khả Uyên	12/12/2001	Nữ	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT	7,00	8,50	15,50
16	616	Nguyễn Trần Hiền Vy	24/05/2002	Nữ	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Trường ĐH.GTVT	7,00	7,50	14,50

Danh sách có 59 thí sinh, trong đó:

- Hà Nội: 43 thí sinh;
- Phân hiệu tại TP.HCM: 16 thí sinh.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
ĐẠI HỌC
GIAO THÔNG
VẬN TẢI
PGS.TS. Lê Hoài Đức

